

TRIỂN VỌNG MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA VIỆT NAM NĂM 2012 - DƯỚI GÓC NHÌN CỦA NGÂN HÀNG THẾ GIỚI

Ngô Thị Thu Trà và Phan Ngọc Thắng*

Trong bối cảnh kinh tế - xã hội có nhiều khó khăn, phức tạp do tác động bất lợi từ kinh tế thế giới và những hạn chế từ nội tại, trong những năm qua, Chính phủ, các Bộ, ngành và các địa phương đều nỗ lực đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính bao gồm cả thể chế, tổ chức bộ máy, thủ tục hành chính, tài chính công. Tuy nhiên, theo đánh giá của Chính phủ, mặc dù đạt được một số kết quả, song, công tác cải cách vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Nhiều thủ tục hành chính còn phức tạp, gây phiền phức cho người dân và doanh nghiệp; bộ máy còn chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, chế độ trách nhiệm chưa rõ ràng; bất hợp lý và chậm được điều chỉnh, khắc phục cả ở Trung ương và địa phương (Thông báo số 27/TB-VPCP ngày 30/1/2012 v/v thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị triển khai công tác ngành Nội vụ 2012 và chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 - <http://www.chinhphu.vn>)

Mới đây, Ngân hàng Thế giới (WB) đã công bố Báo cáo Đánh giá xếp hạng môi trường kinh doanh 2012 (Doing business 2012 - Doing Business in a more transparent World). Theo kết quả đánh giá tại Báo cáo này, vị trí xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam đã bị tụt 8 bậc, từ vị trí 90 xuống vị trí 98 trên tổng số 183 quốc gia (nền kinh tế) được xếp hạng bởi Ngân hàng Thế giới.

Bài viết này phân tích một số nguyên nhân làm cho môi trường kinh doanh của Việt Nam bị tụt hạng so với năm trước theo đánh giá của WB và nêu ra một số khuyến nghị nhằm hướng tới cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam.

Mục tiêu và nội dung chính của Báo cáo xếp hạng môi trường kinh doanh (Doing Business) của Ngân hàng Thế giới

* Vụ Dự báo, thống kê tiền tệ - NHNN

Doing Business của Ngân hàng Thế giới là Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát của một nhóm chuyên gia WB được thực hiện hàng năm về các quy định của các nước có tác dụng thúc đẩy hoặc kiềm chế hoạt động kinh doanh tại nước đó. Báo cáo đưa ra các chỉ tiêu định lượng nhằm đánh giá các vấn đề cụ thể được cho là quan trọng nhất trong việc hình thành và tạo thuận lợi cho môi trường kinh doanh của một nước trên cơ sở tính điểm và so sánh trong mối tương quan giữa 183 quốc gia (nền kinh tế) được khảo sát, từ Afghanistan đến Zimbabwe qua thời gian. Trên cơ sở đó, tổng hợp thành mức xếp hạng cho từng lĩnh vực riêng lẻ và mức xếp hạng tổng hợp cho từng nước.

Chỉ số chung được tổng hợp từ các chỉ số đánh giá riêng lẻ phản ánh các chính sách qui định về kinh doanh và vấn đề bảo hộ quyền sở hữu tài sản được so sánh 183 quốc gia qua thời gian, phản ánh cụ thể qua 10 lĩnh vực sau:

- Thành lập doanh nghiệp (Starting a business),
- Tiếp cận với nguồn điện (Getting electricity),
- Xin giấy phép xây dựng (Dealing with construction Permits),
- Đăng ký quyền sở hữu tài sản (Registering Property),
- Tiếp cận tín dụng (Getting credit),
- Bảo vệ nhà đầu tư (Protecting Investors),
- Nộp thuế (Paying taxes),
- Giao thương qua biên giới (Trading Across Borders),
- Thực hiện hợp đồng (Enforcing Contracts),
- Giải thể doanh nghiệp (Resolving Insolvency).

Báo cáo Đánh giá xếp hạng môi trường kinh doanh 2012 là báo cáo thường niên lần thứ 9 được dựa trên số liệu tính đến ngày 1/6/2011. Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu, nhiều quốc gia đang nỗ lực tiến hành cải cách, tái cấu trúc lại nền kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh. Một số quốc gia đã đạt được tiến bộ đáng kể về cải thiện môi trường kinh doanh.

**Bảng 1: Một số quốc gia - nền kinh tế có tiến bộ đáng kể về môi trường
kinh doanh**

STT	Nền kinh tế	Năm 2012	Năm 2011	Mức tăng hạng
1	Moroco	94	115	21
2	Moldova	81	99	18
3	Macedonia	22	34	12
4	Sao Tome And Principe	163	174	11
5	Latvia	21	31	10
6	Cape Verde	119	129	10
7	Sierra Leone	141	150	9
8	Brundi	169	177	8
9	Solomon Islands	74	81	7
10	Hàn Quốc	8	15	7
11	Armenia	55	61	6
12	Colombia	42	47	5

Nguồn: World Bank, doing business database

Kết quả xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam năm 2012

Trong báo cáo xếp hạng môi trường kinh doanh 2012 của Ngân hàng Thế giới, vị trí xếp hạng của Việt Nam đã bị tụt 8 bậc, từ vị trí 90 xuống vị trí 98 trên tổng số 183 quốc gia (nền kinh tế). Hầu hết các chỉ số (6/10) xếp hạng đều bị tụt so với năm 2011, chỉ có 3 chỉ số tăng hạng và một chỉ số không thay đổi thứ hạng

Bảng 2

STT	Chỉ tiêu	Xếp hạng năm 2011	Xếp hạng năm 2012	Thay đổi
-----	----------	----------------------	----------------------	----------

	Xếp hạng chung	90	98	-8
1	- Thành lập doanh nghiệp	100	103	-3
2	- Tiếp cận với nguồn điện	135	135	0
3	- Xin giấy phép xây dựng	70	67	3
4	- Đăng ký quyền sở hữu tài	43	47	-4
5	- Tiếp cận tín dụng	21	24	-3
6	- Bảo vệ nhà đầu tư	172	166	6
7	- Nộp thuế	129	151	-22
8	- Giao thương qua biên giới	65	68	-3
9	- Thực hiện hợp đồng	31	30	1
10	- Giải thể doanh nghiệp	130	142	-12

Nguồn: Worldbank, Business Environment Snapshot

Đánh giá cụ thể với từng chỉ tiêu ta thấy, môi trường kinh doanh Việt Nam bị tụt hạng vì đi chậm hơn các nước khác. Ví dụ như việc thành lập doanh nghiệp, trong khi số thủ tục (9) và thời gian (44 ngày), không thay đổi so với năm trước. Do vậy, ngay cả khi chi phí thành lập doanh nghiệp (tính bằng % thu nhập đầu người) giảm đi so với năm trước, chỉ số xếp hạng vẫn bị đánh giá tụt 3 bậc.

Bảng 3: Bảng xếp hạng môi trường kinh doanh của Việt Nam

	Xếp hạng	Xếp hạng	Thay đổi
Xếp hạng tổng thể môi trường kinh doanh	90	98	-8
<i>Xếp hạng về thành lập doanh nghiệp</i>	100	103	-3
Thủ tục thành lập	9	9	0
Thời gian (ngày)	44	44	0

Chi phí (% thu nhập đầu người)	12,1	10,6	1,5
Vốn tối thiểu (% thu nhập đầu người)	0	0	0
<i>Xếp hạng về xin giấy phép xây dựng</i>	70	67	3
Thủ tục cấp phép	10	10	0
Thời gian (ngày)	200	200	0
Chi phí (% thu nhập đầu người)	124,7	109	15,7
<i>Xếp hạng về tiếp cận với nguồn điện</i>	135	135	0
Thủ tục cấp phép	5	5	0
Thời gian (ngày)	142	142	0
Chi phí (% thu nhập đầu người)	1536	1343	193
<i>Xếp hạng về đăng ký sở hữu tài sản</i>	43	47	-4
Thủ tục cấp phép	4	4	0
Thời gian (ngày)	57	57	0
Chi phí (% thu nhập đầu người)	0,6	0,6	0
<i>Xếp hạng về tiếp cận tín dụng</i>	21	24	-3
Chỉ số về sức mạnh của các quyền pháp lý (0-10)	8	8	0
Chỉ số về chiều sâu thông tin tín dụng (0-6)	5	5	0
Số lượng đăng ký ở cơ quan thông tin tín dụng Nhà nước (% số người trưởng thành)	26,4	29,8	3,4
Số lượng đăng ký ở cơ quan thông tin tín dụng tư nhân	0	0	0
<i>Xếp hạng bảo vệ nhà đầu tư</i>	172	166	6
Chỉ số về mức độ công bố thông tin	6	6	0

Chỉ số về mức độ điều hành của giám đốc	0	1	-1
Chỉ số về việc tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông (-10)	2	2	0
Chỉ số bảo vệ nhà đầu tư (0-10)	2,7	3	-0,3
<i>Nộp thuế</i>	129	151	-22
Số lần nộp trong năm	32	32	0
Thời gian nộp	941	941	0
<i>Giao thương qua biên giới</i>	65	68	-3
Chứng từ xuất khẩu (số lượng)	6	6	0
Thời gian xuất hàng	22	22	0
Phí xuất khẩu (USD/1 xe công ten nơ)	555	580	25
Chứng từ nhập khẩu	8	8	0
Thời gian nhập hàng	21	21	0
Phí nhập khẩu	645	670	25
<i>Thực hiện hợp đồng</i>	31	30	1
Thủ tục	34	34	0
Thời gian (ngày)	295	295	0
Chi phí (% hợp đồng)	28,5	28,5	0
<i>Giải thể doanh nghiệp</i>	130	142	-12
Thời gian	5	5	0
Chi phí (% tổng tài sản)	15	15	0
Tỷ lệ hồi phục	18,6	16,5	-2,1

Những tồn tại cần khắc phục

Từ số liệu thống kê của WB cho thấy, môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam còn khá nhiều vấn đề tồn tại từ nhiều năm nhưng chậm được cải thiện:

- *Một số chỉ tiêu của Việt Nam hiện nay đang bị đánh giá rất thấp trong mối tương quan với các nước khác trong khu vực và trên thế giới như: bảo vệ nhà đầu tư (xếp hạng thứ 166), nộp thuế (xếp hạng 151), giải quyết phá sản doanh nghiệp (xếp hạng thứ 142 trong tổng số 183 quốc gia trong Bảng xếp hạng).*

+ Theo số liệu thống kê của WB, chi phí thời gian của doanh nghiệp Việt Nam cho việc nộp thuế lên tới 941 giờ/năm, cao hơn nhiều so với mức trung bình của các nước có thu nhập trung bình (350,2 giờ/năm) và so với các nước trong khu vực (236,9 giờ/năm).

+ Thời gian giải quyết phá sản, giải thể doanh nghiệp ở Việt Nam là 5 năm, chi phí thời gian kéo dài hơn nhiều so với các nước có thu nhập trung bình (3,3 năm) và các nước trong khu vực (2,9 năm).

+ Chỉ tiêu bảo vệ nhà đầu tư ở Việt Nam, mặc dù đã được cải thiện (tăng 6 bậc so với năm 2011), nhưng vẫn còn bị đánh giá rất thấp, xếp hạng thứ 166 trên tổng số 183 nền kinh tế. Với thang điểm từ 0 - 10 điểm, chỉ tiêu này của Việt Nam chỉ được 2.0 điểm, thấp hơn nhiều so với mức bình quân các nước có thu nhập trung bình (5,5 điểm) và các nước trong khu vực (6,3 điểm).

- *Trong năm 2012, trong số 10 chỉ tiêu riêng lẻ được xếp hạng để từ đó tổng hợp thành mức xếp hạng chung của quốc gia, Việt Nam có tới 6 chỉ tiêu bị tụt hạng so với năm 2011, bao gồm: (i) thành lập doanh nghiệp (từ 100 xuống 103); (ii) đăng ký quyền sở hữu tài sản (từ 43 xuống 47); (iii) tiếp cận tín dụng (từ 21 xuống 24); (iv) nộp thuế (từ 129 xuống 151); (v) thương mại qua biên giới (từ 65 xuống 68); (vi) giải thể doanh nghiệp (từ 130 đến 142). Trong đó, có những chỉ tiêu bị tụt hạng nhiều bậc so với năm trước như nộp thuế (tụt hạng 22 bậc), giải quyết phá sản (tụt hạng 12 bậc).*

Chi tiết chấm điểm trong *Bảng 2* cho thấy, một trong những nguyên nhân chính khiến việc Việt Nam bị hạ bậc xếp hạng cho mức xếp hạng quốc gia tổng thể và xếp hạng các chỉ tiêu riêng lẻ là do Việt Nam chậm đổi mới, cải tiến các quy định nhằm hỗ trợ, tạo thuận lợi cho môi trường kinh doanh so với các nước khác, nên mặc dù các điều kiện, chính sách cho môi trường kinh doanh của Việt Nam không đổi hoặc có cải tiến đôi chút, nhưng vẫn bị đánh tụt hạng trong mỗi tương quan với các nước khác do các nước khác có nhiều cải tiến trong các quy định hỗ trợ, tạo thuận lợi cho môi trường kinh doanh nhanh và mạnh hơn Việt Nam. Bên cạnh đó, có một vài chỉ tiêu điều kiện kinh doanh của Việt Nam bị đánh giá là yếu đi. Cụ thể:

+ Trong 6 tiêu chí bị đánh tụt bậc xếp hạng, có tới 4 tiêu chí là (i) thành lập doanh nghiệp; (ii) đăng ký quyền sở hữu tài sản; (iii) tiếp cận tín dụng; (iv) nộp thuế có các điểm thành phần giữ nguyên từ năm 2011 đến 2012, thậm chí một số điểm thành phần còn diễn biến theo chiều hướng tích cực (ví dụ, chi phí thành lập doanh nghiệp giảm từ 12,1 xuống 10,6; số lượng đăng ký tín dụng với cơ quan thông tin tín dụng nhà nước tăng từ 26,4 lên 28,9%), tuy nhiên, mức xếp hạng của các tiêu chí này của Việt Nam vẫn bị giảm xuống trong mỗi tương quan với các nước khác do các nước khác cải tiến nhanh, mạnh hơn.

+ Ngoài nguyên nhân là do Việt Nam chậm thay đổi trong khi các nước khác thay đổi, cải thiện môi trường kinh doanh nhanh hơn, có 2 chỉ số bị hạ bậc xếp hạng do chính điều kiện kinh doanh của Việt Nam yếu đi. Đó là:

(i) Xếp hạng cho chỉ số “Thương mại qua biên giới” bị tụt 3 bậc xếp hạng, một phần do phí xuất khẩu và phí nhập khẩu (tính bằng USD/công-ten-nơ) đều tăng.

(ii) Xếp hạng cho chỉ số “Giải thể doanh nghiệp” bị tụt hạng 12 bậc, một phần do tỷ lệ hồi phục giảm từ 18,6 (2011) xuống còn 16,5 (2012).

- Bên cạnh đó, có một tiêu chí giữ nguyên mức xếp hạng là tiếp cận với nguồn điện và 3 tiêu chí được nâng bậc xếp hạng, bao gồm: (i) xin giấy phép xây

dụng (nâng 3 bậc); bảo vệ nhà đầu tư (nâng 6 bậc); (iii) thực hiện hợp đồng (nâng 1 bậc), nhưng do các nước khác cải tiến nhanh hơn, nên việc nâng bậc xếp hạng các tiêu chí này chưa thể giúp nâng bậc xếp hạng chung của môi trường kinh doanh Việt Nam.

- Chỉ tiêu tiếp cận tín dụng Việt Nam được đánh giá tương đối khá, xếp hạng thứ 24 trong tổng số 183 nền kinh tế. Tỷ lệ % số người trưởng thành tiếp cận với tín dụng là 29,8%, tăng so với năm 2011 và cao hơn so với các nước có thu nhập trung bình (12,8%) nhưng thấp hơn so với các nước trong khu vực (35,6%). Tuy nhiên, trong mối tương quan với các nước trong bảng so sánh, năm 2012 chỉ tiêu này của Việt Nam cũng bị đánh tụt 3 hạng so với năm 2011.

Một số bước tiến đã đạt được

Tuy nhiên, theo báo cáo của WB, trong năm 2011, Việt Nam cũng đã có một số bước tiến trong cải thiện môi trường kinh doanh ở một số lĩnh vực. Trong số 183 quốc gia (nền kinh tế) được khảo sát, Việt Nam là một trong 83 nền kinh tế có cơ chế quản lý một cửa để tạo dễ dàng hơn cho việc thành lập doanh nghiệp; Việt Nam là một trong số 91 nền kinh tế cho phép mô tả chung về tài sản thế chấp tạo dễ dàng hơn cho tiếp cận tín dụng. Trong lĩnh vực bảo vệ nhà đầu tư, Việt Nam là một trong số 45 nền kinh tế qui định nghĩa vụ rõ ràng của các thành viên hội đồng quản trị trong các giao dịch có bên liên quan; Việt Nam cũng là một trong số 97 nền kinh tế áp dụng cơ chế thanh tra trên cơ sở rủi ro, tạo dễ dàng hơn lĩnh vực thương mại qua biên giới.

Chính phủ đã xây dựng Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011- 2020, tiếp tục thể hiện quyết tâm của Chính phủ trong việc xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, thông suốt, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Chính phủ cũng đã có chỉ đạo cho Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành triển khai nhanh việc xây dựng Chính phủ điện tử, để xây dựng nền hành chính hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, trước mắt có nhiều việc phải làm, phân công cụ thể, làm triệt để và ráo riết. Tiếp tục thực hiện mạnh mẽ Đề án 30 của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính;

đồng thời tăng cường đôn đốc kiểm tra việc thực hiện các đề án giao cho các Bộ, ngành, nhất là các đề án liên quan đến cải cách tổ chức bộ máy hành chính; công chức, công vụ; tiền lương.

Hy vọng những số liệu thống kê và phân tích đánh giá nói trên của Ngân hàng Thế giới có thể gợi ý cho Chính phủ Việt Nam những lĩnh vực cần quan tâm cải cách nhiều hơn nhằm nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh của Việt Nam. Đồng thời, nên chăng một số cơ quan chuyên trách như VCCI, Bộ Công thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đứng ra làm đầu mối tiến hành nghiên cứu về các điều kiện thuận lợi trong môi trường kinh doanh, đầu tư của các quốc gia có điều kiện tương đồng trong khu vực và trên thế giới, nhằm có cơ sở so sánh, đề xuất giải pháp cải tiến cụ thể, phù hợp hơn nhằm cải thiện và tăng sức hấp dẫn của môi trường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đặc biệt, chú trọng đẩy mạnh cải tiến các lĩnh vực đang bị xuống hạng và một số lĩnh vực đang bị các nhà đầu tư đánh giá rất thấp như: bảo vệ nhà đầu tư, nộp thuế và giải quyết phá sản, giải thể doanh nghiệp.

Với sự quyết tâm của Chính phủ trong việc xây dựng Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011- 2020, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, thông suốt, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, có lý do chính đáng để tin tưởng rằng hình ảnh của Việt Nam, vị trí của Việt Nam trong Bảng xếp hạng môi trường kinh doanh của WB sẽ được cải thiện mạnh mẽ trong thời gian tới, từ đó giúp thu hút hơn nữa đầu tư trực tiếp nước ngoài, làm lợi cho ngân sách và sự thịnh vượng của quốc gia và cộng đồng doanh nghiệp, góp phần nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tài liệu tham khảo:

1. The WorldBank, Doing Business 2012 - Doing Business in a More Transparent World,
2. The WorldBank, Doing Business 2011 - Making a difference for entrepreneurs,

3. The WorldBank Doing Business 2010 - Reforming through difficult times.

4. The Worldbank, Business Enviroment Snapshot